

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **145/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-12-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Bùi Thị Thu Nhi.**

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Hương.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:* Ông **Lê Văn Tân** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 428/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐXXST-HN ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 43/6 Thủ Khoa Huân, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 43/6 Thủ Khoa Huân, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: ấp Mỹ Lương, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(Anh Đ có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Đ trình bày: anh và chị T cưới nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, thành phố M vào 26/03/2008. Thời gian chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp. Nhận thấy hiện tại anh đã không còn tình cảm với chị T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc T

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc An N sinh ngày 06/04/2019, hiện cháu đang sống cùng cha. Ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lê Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không đến Tòa án và không nộp bất kỳ văn bản ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Đ và chị T. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ. Giao cháu Nguyễn Ngọc An N sinh ngày 06/04/2019, cho anh Đ nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh Đ trình bày không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Đ yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc T có địa chỉ tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2]. Sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt hợp lệ, bị đơn Lê Thị Ngọc T không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị Th.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị T cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào ngày 26/3/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh Đạt và chị Thi chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn.

Qua trình giải quyết vụ án và tại đơn xin vắng, anh Đ khẳng định không thể hàn gắn với chị T vì anh không còn tình cảm với chị Thi, anh đã cho chị T nhiều thời gian để sửa đổi nhưng vẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

[2.2]. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của anh Đ, chị T là không thể hàn gắn, vì không có sự vun đắp, xây dựng gia đình từ hai phía, trong thời gian phát sinh mâu thuẫn cả hai không tìm biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hợp lệ xem như từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Đ, cho anh được ly hôn với chị T.

[2.3]. Về nuôi con chung: Đối với con chung Nguyễn Ngọc An N sinh ngày 06/04/2019 đang sống chung với anh Đ và anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, cháu N do anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T cũng không có văn bản ý kiến nào về yêu cầu được nuôi con chung của anh Đ. Để ổn định tâm lý, sinh hoạt, nơi ở cho cháu Nh, cần tiếp tục giao cháu Nh cho anh Đ, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung. Vì vậy, yêu cầu con chung của anh Đ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Nhiên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: anh Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn Đ.

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Tấn Đ được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc An N sinh ngày 06/04/2019 cho anh Nguyễn Tấn Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: anh Nguyễn Tấn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004386 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên anh đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tấn Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TPMT;
- UBND phường 1, Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Cao Thị Trúc Linh